

PHÒNG GD & ĐT HUYỆN NHÀ BÈ
THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM
LỚP: 9A6
GVCN: Nguyễn Ngọc Liên

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
CẢ NĂM - NĂM HỌC 2018-2019

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
1	Trần Huy An	HK1	7.1 ₂₂	8.4 ₁₃	8.3 ₁₆	7.2 ₁₉	8.8 ₁₃	9.7 ₄	8.6 ₆	8.7 ₁₅	7.8 ₁₉	9.0 ₁₄	8.6 ₁₄		Đ	8.4 ₁₃	1 0	G	T	12	GIOI	
		HK2	8.0 ₁₀	8.2 ₁₀	8.3 ₉	7.9 ₁₇	8.2 ₁₅	9.5 ₆	7.7 ₂₀	9.3 ₁₀	7.8 ₂₂	8.8 ₃₁	8.1 ₂₆	Đ	Đ	8.3 ₁₄	2 0	G	T	12	GIOI	
		CN	7.7 ₁₃	8.3 ₁₁	8.3 ₁₃	7.7 ₁₆	8.4 ₁₂	9.6 ₄	8.0 ₁₃	9.1 ₁₂	7.8 ₂₀	8.9 ₂₃	8.3 ₁₉	Đ	Đ	8.4 ₁₃	3 0	G	T	11	GIOI	L
2	Trần Quốc Bảo	HK1	6.8 ₂₅	6.8 ₂₆	6.8 ₃₂	5.8 ₃₄	8.8 ₁₃	8.3 ₃₀	7.5 ₂₀	8.5 ₁₈	6.2 ₃₅	9.4 ₆	7.4 ₃₀		Đ	7.5 ₂₆	0 0	K	K	32	TT	
		HK2	6.7 ₃₅	7.0 ₂₄	7.8 ₁₈	7.4 ₂₅	8.1 ₂₀	8.8 ₁₈	7.9 ₁₄	9.0 ₁₇	7.1 ₃₀	9.4 ₁₁	8.3 ₂₃	Đ	Đ	8.0 ₂₁	4 0	K	T	20	TT	
		CN	6.7 ₃₂	6.9 ₂₄	7.5 ₂₁	6.9 ₂₈	8.3 ₁₈	8.6 ₂₄	7.8 ₁₅	8.8 ₁₉	6.8 ₃₃	9.4 ₈	8.0 ₂₅	Đ	Đ	7.8 ₂₃	4 0	K	T	21	TT	L
3	Lê Hoàng Ngọc Duyên	HK1	7.9 ₆	8.6 ₈	9.2 ₇	7.4 ₁₅	8.9 ₁₀	9.3 ₁₅	7.2 ₂₉	9.0 ₁₃	9.0 ₇	8.8 ₂₁	9.1 ₁₀		Đ	8.6 ₁₀	0 0	G	T	10	GIOI	
		HK2	8.7 ₃	8.1 ₁₂	8.8 ₈	7.8 ₂₀	8.4 ₁₀	9.2 ₁₃	6.9 ₂₉	8.8 ₂₂	8.1 ₁₉	9.1 ₁₆	7.6 ₃₁	Đ	Đ	8.3 ₁₄	2 0	G	T	12	GIOI	
		CN	8.4 ₃	8.3 ₁₁	8.9 ₇	7.7 ₁₆	8.6 ₉	9.2 ₁₂	7.0 ₃₁	8.9 ₁₆	8.4 ₁₅	9.0 ₁₈	8.1 ₂₄	Đ	Đ	8.4 ₁₃	2 0	G	T	11	GIOI	L
4	Phan Huỳnh Anh Điền	HK1	7.0 ₂₃	8.4 ₁₃	8.4 ₁₅	7.2 ₁₉	8.7 ₁₅	9.9 ₁	8.4 ₁₁	9.3 ₉	8.1 ₁₇	8.6 ₂₈	8.8 ₁₂		Đ	8.4 ₁₃	1 0	G	T	12	GIOI	
		HK2	7.4 ₁₈	7.7 ₁₈	8.3 ₉	7.7 ₂₂	8.2 ₁₅	8.2 ₂₈	6.9 ₂₉	9.1 ₁₄	8.2 ₁₈	8.7 ₃₃	8.6 ₁₇	Đ	Đ	8.1 ₁₈	0 0	K	T	18	TT	
		CN	7.3 ₂₀	7.9 ₁₆	8.3 ₁₃	7.5 ₂₀	8.4 ₁₂	8.8 ₁₉	7.4 ₂₁	9.2 ₉	8.2 ₁₉	8.7 ₃₀	8.7 ₁₃	Đ	Đ	8.2 ₁₆	1 0	K	T	16	TT	L
5	Huỳnh Minh Hân	HK1	7.2 ₂₀	7.5 ₂₁	7.2 ₂₅	6.7 ₂₆	7.7 ₃₃	8.3 ₃₀	7.5 ₂₀	7.8 ₃₀	5.9 ₃₆	8.2 ₃₇	7.9 ₂₇		Đ	7.4 ₂₈	1 0	K	T	25	TT	
		HK2	7.3 ₂₁	7.1 ₂₃	7.0 ₂₄	7.2 ₂₈	8.1 ₂₀	7.5 ₃₃	7.1 ₂₆	9.0 ₁₇	6.8 ₃₄	9.1 ₁₆	9.1 ₇	Đ	Đ	7.8 ₂₆	0 0	K	T	24	TT	
		CN	7.3 ₂₀	7.2 ₂₁	7.1 ₂₄	7.0 ₂₇	8.0 ₂₅	7.8 ₃₄	7.2 ₂₅	8.6 ₂₂	6.5 ₃₅	8.8 ₂₇	8.7 ₁₃	Đ	Đ	7.7 ₂₆	1 0	K	T	24	TT	L
6	Nguyễn Đình Ngọc Hân	HK1	6.4 ₃₂	6.2 ₃₂	5.7 ₃₈	4.6 ₄₁	7.7 ₃₃	9.4 ₁₀	7.3 ₂₆	8.8 ₁₄	6.9 ₃₀	8.1 ₃₈	7.3 ₃₃		Đ	7.1 ₃₄	0 0	Tb	T	37		
		HK2	6.1 ₄₂	6.3 ₂₉	6.5 ₃₆	6.9 ₃₄	7.2 ₃₇	7.1 ₃₄	7.9 ₁₄	8.6 ₂₅	7.6 ₂₅	9.0 ₂₄	8.3 ₂₃	Đ	Đ	7.4 ₃₂	0 0	Tb	T	40		
		CN	6.2 ₄₀	6.3 ₃₀	6.2 ₃₇	6.1 ₃₇	7.4 ₃₆	7.9 ₃₃	7.7 ₁₇	8.7 ₂₀	7.4 ₂₈	8.7 ₃₀	8.0 ₂₅	Đ	Đ	7.3 ₃₂	0 0	Tb	T	35		L
7	Ngô Công Hậu	HK1	7.5 ₁₆	8.5 ₉	9.1 ₉	9.1 ₇	9.1 ₈	9.8 ₃	8.9 ₁	9.2 ₁₀	8.8 ₁₀	9.5 ₂	9.2 ₆		Đ	9.0 ₇	0 0	G	T	7	GIOI	
		HK2	8.5 ₄	8.2 ₁₀	9.1 ₆	9.5 ₆	9.3 ₂	9.9 ₂	8.4 ₅	9.6 ₈	9.0 ₉	9.8 ₃	9.6 ₄	Đ	Đ	9.2 ₄	0 0	G	T	4	GIOI	
		CN	8.2 ₆	8.3 ₁₁	9.1 ₆	9.4 ₅	9.2 ₅	9.9 ₁	8.6 ₃	9.5 ₆	8.9 ₉	9.7 ₂	9.5 ₃	Đ	Đ	9.1 ₅	0 0	G	T	5	GIOI	L
8	Đinh Kim Hiếu	HK1	7.8 ₇	8.4 ₁₃	9.0 ₁₀	9.3 ₃	8.7 ₁₅	9.1 ₁₈	8.5 ₉	9.9 ₂	8.1 ₁₇	9.4 ₆	9.4 ₃		Đ	8.9 ₈	0 0	G	T	8	GIOI	
		HK2	7.9 ₁₃	8.0 ₁₄	8.2 ₁₄	9.6 ₃	8.0 ₂₆	8.6 ₂₃	8.4 ₅	8.7 ₂₃	7.2 ₂₉	9.1 ₁₆	9.1 ₇	Đ	Đ	8.4 ₁₂	0 0	G	T	10	GIOI	
		CN	7.9 ₁₁	8.1 ₁₅	8.5 ₉	9.5 ₃	8.2 ₂₂	8.8 ₁₉	8.4 ₇	9.1 ₁₂	7.5 ₂₅	9.2 ₁₂	9.2 ₇	Đ	Đ	8.6 ₉	0 0	G	T	9	GIOI	L
9	Nguyễn Trọng Hiếu	HK1	5.9 ₃₇	6.8 ₂₆	6.4 ₃₅	7.0 ₂₂	7.6 ₃₇	8.4 ₂₉	6.5 ₃₆	7.1 ₃₇	5.0 ₄₁	8.5 ₃₄	8.4 ₁₈		Đ	7.1 ₃₄	2 0	K	T	27	TT	
		HK2	6.5 ₃₉	5.7 ₃₈	6.0 ₃₉	7.5 ₂₄	7.6 ₃₀	7.9 ₃₁	7.8 ₁₇	8.7 ₂₃	5.9 ₃₇	8.6 ₃₆	7.6 ₃₁	Đ	Đ	7.3 ₃₃	5 0	K	K	36	TT	
		CN	6.3 ₃₉	6.1 ₃₃	6.1 ₃₉	7.3 ₂₃	7.6 ₃₄	8.1 ₂₉	7.4 ₂₁	8.2 ₃₀	5.6 ₃₉	8.6 ₃₅	7.9 ₂₈	Đ	Đ	7.2 ₃₄	7 0	Tb	K	39		L
10	Đặng Thị Xuân Hoa	HK1	7.3 ₁₉	7.6 ₁₉	7.3 ₂₂	7.4 ₁₅	7.4 ₃₈	7.9 ₃₄	6.5 ₃₆	7.4 ₃₄	6.7 ₃₁	7.9 ₃₉	7.4 ₃₀		Đ	7.3 ₃₀	0 0	K	T	26	TT	
		HK2	7.3 ₂₁	7.9 ₁₆	8.9 ₇	7.8 ₂₀	8.1 ₂₀	8.7 ₂₂	7.2 ₂₄	8.4 ₃₂	7.9 ₂₁	8.7 ₃₃	7.4 ₃₅	Đ	Đ	8.0 ₂₁	3 0	K	T	20	TT	
		CN	7.3 ₂₀	7.8 ₁₇	8.4 ₁₂	7.7 ₁₆	7.9 ₂₉	8.4 ₂₅	7.0 ₃₁	8.1 ₃₄	7.5 ₂₅	8.4 ₄₁	7.4 ₃₄	Đ	Đ	7.8 ₂₃	3 0	K	T	21	TT	L
11	Phan Tuấn Khang	HK1	6.7 ₂₆	8.8 ₆	9.5 ₄	9.2 ₄	8.7 ₁₅	9.4 ₁₀	8.1 ₁₃	9.1 ₁₂	8.9 ₈	9.5 ₂	9.1 ₁₀		Đ	8.8 ₉	1 0	G	T	9	GIOI	
		HK2	7.4 ₁₈	8.9 ₅	8.3 ₉	9.0 ₈	8.2 ₁₅	9.6 ₅	8.5 ₄	9.1 ₁₄	9.2 ₆	9.7 ₄	9.6 ₄	Đ	Đ	8.9 ₈	6 0	G	T	8	GIOI	
		CN	7.2 ₂₄	8.9 ₆	8.7 ₈	9.1 ₈	8.4 ₁₂	9.5 ₇	8.4 ₇	9.1 ₁₂	9.1 ₆	9.6 ₄	9.4 ₅	Đ	Đ	8.9 ₈	7 0	G	T	8	GIOI	L
12	Lê Hồng Khánh	HK1	7.2 ₂₀	6.6 ₂₉	7.6 ₂₀	6.6 ₂₇	8.2 ₂₄	9.1 ₁₈	7.9 ₁₅	8.2 ₂₄	8.3 ₁₆	8.6 ₂₈	7.9 ₂₇		Đ	7.8 ₂₁	0 0	K	K	30	TT	
		HK2	7.6 ₁₅	7.8 ₁₇	6.6 ₃₅	7.9 ₁₇	8.1 ₂₀	9.2 ₁₃	7.8 ₁₇	9.3 ₁₀	9.1 ₈	9.0 ₂₄	8.9 ₁₂	Đ	Đ	8.3 ₁₄	1 0	K	K	34	TT	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD&CD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hành kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
12	Lê Hồng Khánh	CN	7.5 ¹⁷	7.4 ¹⁹	6.9 ³⁰	7.5 ²⁰	8.1 ²⁴	9.2 ¹²	7.8 ¹⁵	8.9 ¹⁶	8.8 ¹⁰	8.9 ²³	8.6 ¹⁶	Đ	Đ	8.1 ¹⁷	1 0	K	K	32	TT	L
13	Lý Quốc Khánh	HK1	5.9 ³⁷	5.0 ³⁷	7.6 ²⁰	4.7 ⁴⁰	8.6 ¹⁹	8.6 ²⁶	7.8 ¹⁷	8.5 ¹⁸	5.3 ³⁹	8.6 ²⁸	7.4 ³⁰		Đ	7.1 ³⁴	0 0	Tb	T	37		
		HK2	6.4 ⁴⁰	5.7 ³⁸	6.8 ²⁸	6.3 ³⁹	8.4 ¹⁰	7.8 ³²	7.0 ²⁷	8.6 ²⁵	5.2 ⁴¹	9.6 ⁶	8.6 ¹⁷	Đ	Đ	7.3 ³³	1 0	Tb	T	41		
		CN	6.2 ⁴⁰	5.5 ³⁹	7.1 ²⁴	5.8 ³⁹	8.5 ¹¹	8.1 ²⁹	7.3 ²⁴	8.6 ²²	5.2 ⁴¹	9.3 ¹⁰	8.2 ²¹	Đ	Đ	7.3 ³²	1 0	Tb	T	35		L
14	Nguyễn Đỗ Đăng Khoa	HK1	6.0 ³⁵	5.6 ³⁵	7.7 ¹⁸	6.5 ²⁸	8.2 ²⁴	7.9 ³⁴	7.4 ²²	7.6 ³²	7.2 ²⁶	8.3 ³⁶	8.0 ²⁶		Đ	7.3 ³⁰	2 0	Tb	T	35		
		HK2	7.3 ²¹	6.7 ²⁵	8.1 ¹⁶	7.7 ²²	7.9 ²⁸	8.0 ³⁰	6.6 ³⁶	8.4 ³²	7.6 ²⁵	9.4 ¹¹	6.9 ³⁹	Đ	Đ	7.7 ²⁷	2 0	K	T	25	TT	
		CN	6.9 ²⁷	6.3 ³⁰	8.0 ¹⁹	7.3 ²³	8.0 ²⁵	8.0 ³²	6.9 ³⁴	8.1 ³⁴	7.5 ²⁵	9.0 ¹⁸	7.3 ³⁶	Đ	Đ	7.6 ²⁸	4 0	K	T	26	TT	L
15	Dương Ngọc Long	HK1	6.0 ³⁵	3.9 ⁴²	5.3 ⁴⁰	5.4 ³⁶	7.0 ⁴⁰	7.2 ³⁹	5.4 ⁴²	6.9 ³⁸	4.0 ⁴²	7.8 ⁴⁰	7.3 ³³		Đ	6.0 ⁴¹	3 0	Tb	T	40		
		HK2	6.7 ³⁵	5.5 ⁴⁰	6.8 ²⁸	6.5 ³⁷	7.4 ³⁴	9.0 ¹⁷	6.7 ³⁵	8.4 ³²	5.1 ⁴²	8.7 ³³	7.4 ³⁵	Đ	Đ	7.1 ³⁵	3 0	K	T	30	TT	
		CN	6.5 ³⁵	5.0 ⁴²	6.3 ³⁶	6.1 ³⁷	7.3 ³⁷	8.4 ²⁵	6.3 ³⁹	7.9 ³⁷	4.7 ⁴²	8.4 ⁴¹	7.4 ³⁴	Đ	Đ	6.8 ³⁸	6 0	Tb	T	38		L
16	Nguyễn Trúc Mai	HK1	7.6 ¹²	8.3 ¹⁶	7.3 ²²	7.2 ¹⁹	8.7 ¹⁵	8.7 ²⁴	8.9 ¹	8.7 ¹⁵	7.7 ²¹	8.8 ²¹	8.8 ¹²		Đ	8.2 ¹⁶	0 0	G	T	14	GIOI	
		HK2	7.4 ¹⁸	7.4 ¹⁹	7.5 ²³	6.6 ³⁵	8.2 ¹⁵	8.8 ¹⁸	7.8 ¹⁷	9.2 ¹³	7.1 ³⁰	9.3 ¹³	8.6 ¹⁷	Đ	Đ	8.0 ²¹	0 0	K	T	20	TT	
		CN	7.5 ¹⁷	7.7 ¹⁸	7.4 ²³	6.8 ³⁰	8.4 ¹²	8.8 ¹⁹	8.2 ¹¹	9.0 ¹⁵	7.3 ²⁹	9.1 ¹⁴	8.7 ¹³	Đ	Đ	8.1 ¹⁷	0 0	K	T	17	TT	L
17	Cao Tiến Minh	HK1	7.8 ⁷	6.3 ³¹	7.2 ²⁵	6.5 ²⁸	8.0 ³⁰	8.9 ²²	7.0 ³¹	8.1 ²⁷	8.4 ¹⁵	8.7 ²⁵	8.5 ¹⁶		Đ	7.8 ²¹	0 0	K	T	21	TT	
		HK2	7.6 ¹⁵	6.5 ²⁶	6.8 ²⁸	7.0 ³¹	8.5 ⁹	9.2 ¹³	7.9 ¹⁴	8.6 ²⁵	8.8 ¹²	9.0 ²⁴	8.7 ¹⁶	Đ	Đ	8.1 ¹⁸	0 0	K	K	35	TT	
		CN	7.7 ¹³	6.4 ²⁹	6.9 ³⁰	6.8 ³⁰	8.3 ¹⁸	9.1 ¹⁶	7.6 ¹⁸	8.4 ²⁶	8.7 ¹²	8.9 ²³	8.6 ¹⁶	Đ	Đ	7.9 ²²	0 0	K	K	33	TT	L
18	Huỳnh Nguyễn Trà My	HK1	8.2 ⁴	9.0 ³	10 ¹	8.5 ¹⁰	8.4 ²³	9.3 ¹⁵	8.5 ⁹	9.7 ⁴	9.4 ⁴	9.4 ⁶	9.2 ⁶		Đ	9.1 ⁵	1 0	G	T	5	GIOI	
		HK2	8.3 ⁶	9.4 ²	9.4 ⁴	9.0 ⁸	9.0 ⁶	9.4 ⁸	8.2 ¹⁰	10 ¹	9.5 ³	9.1 ¹⁶	8.8 ¹⁵	Đ	Đ	9.1 ⁶	2 0	G	T	6	GIOI	
		CN	8.3 ⁵	9.3 ²	9.6 ³	8.8 ¹⁰	8.8 ⁸	9.4 ⁹	8.3 ⁹	9.9 ³	9.5 ³	9.2 ¹²	8.9 ¹⁰	Đ	Đ	9.1 ⁵	3 0	G	T	5	GIOI	L
19	Lâm Kiều Ngân	HK1	7.8 ⁷	8.1 ¹⁷	8.8 ¹²	8.1 ¹¹	8.9 ¹⁰	8.6 ²⁶	6.9 ³²	9.5 ⁶	8.6 ¹¹	8.7 ²⁵	8.4 ¹⁸		Đ	8.4 ¹³	0 0	G	K	17	TT	
		HK2	8.3 ⁶	8.5 ⁸	7.8 ¹⁸	9.0 ⁸	8.0 ²⁶	8.8 ¹⁸	7.3 ²²	9.0 ¹⁷	9.2 ⁶	9.1 ¹⁶	8.4 ²⁰	Đ	Đ	8.5 ¹⁰	0 0	G	K	16	TT	
		CN	8.1 ⁷	8.4 ⁸	8.1 ¹⁶	8.7 ¹¹	8.3 ¹⁸	8.7 ²³	7.2 ²⁵	9.2 ⁹	9.0 ⁷	9.0 ¹⁸	8.4 ¹⁸	Đ	Đ	8.5 ¹¹	0 0	G	K	15	TT	L
20	Dương Công Nghĩa	HK1	6.3 ³⁴	5.7 ³⁴	8.9 ¹¹	6.3 ³²	7.8 ³¹	9.4 ¹⁰	7.1 ³⁰	8.5 ¹⁸	7.1 ²⁸	7.8 ⁴⁰	6.7 ³⁶		Đ	7.4 ²⁸	2 0	Tb	T	34		
		HK2	6.9 ³¹	6.3 ²⁹	7.7 ²¹	7.1 ³⁰	7.6 ³⁰	9.1 ¹⁶	7.2 ²⁴	8.4 ³²	6.7 ³⁵	9.1 ¹⁶	8.9 ¹²	Đ	Đ	7.7 ²⁷	6 0	K	T	25	TT	
		CN	6.7 ³²	6.1 ³³	8.1 ¹⁶	6.8 ³⁰	7.7 ³¹	9.2 ¹²	7.2 ²⁵	8.4 ²⁶	6.8 ³³	8.7 ³⁰	8.2 ²¹	Đ	Đ	7.6 ²⁸	8 0	K	T	26	TT	L
21	Đặng Phạm Bảo Nguyên	HK1	6.6 ²⁷	6.8 ²⁶	6.4 ³⁵	5.4 ³⁶	8.1 ²⁹	7.4 ³⁷	6.4 ³⁸	7.9 ²⁹	6.6 ³²	8.9 ¹⁶	8.2 ²²		Đ	7.2 ³²	0 0	K	K	33	TT	
		HK2	7.3 ²¹	6.3 ²⁹	6.7 ³³	7.0 ³¹	8.4 ¹⁰	8.6 ²³	6.8 ³³	9.1 ¹⁴	7.7 ²³	8.4 ⁴²	7.6 ³¹	Đ	Đ	7.6 ³⁰	0 0	K	T	28	TT	
		CN	7.1 ²⁵	6.5 ²⁸	6.6 ³³	6.5 ³⁵	8.3 ¹⁸	8.2 ²⁸	6.7 ³⁵	8.7 ²⁰	7.3 ²⁹	8.6 ³⁵	7.8 ²⁹	Đ	Đ	7.5 ³¹	0 0	K	T	29	TT	L
22	Lê Anh Nhật	HK1	6.9 ²⁴	7.4 ²²	7.1 ²⁸	6.0 ³³	8.6 ¹⁹	8.9 ²²	7.9 ¹⁵	7.3 ³⁵	8.6 ¹¹	8.6 ²⁸	6.3 ³⁹		Đ	7.6 ²⁴	0 0	K	T	22	TT	
		HK2	7.0 ²⁸	6.5 ²⁶	6.9 ²⁵	7.4 ²⁵	7.3 ³⁵	6.9 ³⁵	6.9 ²⁹	8.1 ³⁹	8.4 ¹⁷	9.3 ¹³	8.4 ²⁰	Đ	Đ	7.6 ³⁰	1 0	K	T	28	TT	
		CN	7.0 ²⁶	6.8 ²⁶	7.0 ²⁶	6.9 ²⁸	7.7 ³¹	7.6 ³⁵	7.2 ²⁵	7.8 ⁴⁰	8.5 ¹³	9.1 ¹⁴	7.7 ³²	Đ	Đ	7.6 ²⁸	1 0	K	T	26	TT	L
23	Châu Nguyễn Thảo Nhi	HK1	7.8 ⁷	9.0 ³	8.7 ¹⁴	7.9 ¹²	9.3 ⁶	8.1 ³²	8.3 ¹²	8.0 ²⁸	8.6 ¹¹	9.2 ¹²	8.5 ¹⁶		Đ	8.5 ¹¹	1 0	G	T	11	GIOI	
		HK2	8.3 ⁶	8.1 ¹²	8.0 ¹⁷	8.7 ¹³	8.7 ⁸	8.1 ²⁹	8.3 ⁸	9.3 ¹⁰	8.9 ¹⁰	9.5 ⁷	7.8 ²⁹	Đ	Đ	8.5 ¹⁰	6 0	G	T	9	GIOI	
		CN	8.1 ⁷	8.4 ⁸	8.2 ¹⁵	8.4 ¹²	8.9 ⁷	8.1 ²⁹	8.3 ⁹	8.9 ¹⁶	8.8 ¹⁰	9.4 ⁸	8.0 ²⁵	Đ	Đ	8.5 ¹¹	7 0	G	T	10	GIOI	L
24	Phạm Yến Nhi	HK1	8.3 ³	9.5 ²	10 ¹	9.4 ²	9.4 ³	9.6 ⁸	8.8 ⁴	9.6 ⁵	9.4 ⁴	9.8 ¹	9.2 ⁶		Đ	9.4 ¹	0 0	G	T	1	GIOI	
		HK2	8.5 ⁴	9.5 ¹	9.8 ¹	9.9 ¹	9.3 ²	10 ¹	8.3 ⁸	9.9 ⁴	9.8 ¹	9.9 ¹	9.7 ²	Đ	Đ	9.5 ¹	2 0	G	T	1	GIOI	
		CN	8.4 ³	9.5 ¹	9.9 ¹	9.7 ¹	9.3 ³	9.9 ¹	8.5 ⁵	9.8 ⁴	9.7 ¹	9.9 ¹	9.5 ³	Đ	Đ	9.5 ¹	2 0	G	T	1	GIOI	L
25	Nguyễn Thị Kim Như	HK1	7.5 ¹⁶	8.9 ⁵	9.3 ⁵	8.9 ⁸	9.6 ²	9.4 ¹⁰	8.6 ⁶	9.4 ⁷	9.6 ¹	9.5 ²	9.7 ²		Đ	9.1 ⁵	0 0	G	T	5	GIOI	
		HK2	8.3 ⁶	9.1 ⁴	9.3 ⁵	9.6 ³	9.0 ⁶	9.7 ⁴	8.4 ⁵	9.9 ⁴	9.5 ³	9.7 ⁴	9.1 ⁷	Đ	Đ	9.2 ⁴	1 0	G	T	4	GIOI	
		CN	8.0 ¹⁰	9.0 ⁴	9.3 ⁵	9.4 ⁵	9.2 ⁵	9.6 ⁴	8.5 ⁵	9.7 ⁵	9.5 ³	9.6 ⁴	9.3 ⁶	Đ	Đ	9.2 ⁴	1 0	G	T	4	GIOI	L

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD&CD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hành kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
26	Lê Huỳnh Minh Nhựt	HK1	5.3 ⁴²	3.4 ⁴³	4.5 ⁴²	3.9 ⁴²	5.4 ⁴³	7.5 ³⁶	5.3 ⁴³	6.3 ⁴³	5.1 ⁴⁰	8.6 ²⁸	5.0 ⁴²		Đ	5.5 ⁴²	0 0	Y	T	42		
		HK2	5.3 ⁴³	4.6 ⁴³	4.5 ⁴³	4.5 ⁴³	6.6 ⁴⁰	3.6 ⁴³	4.4 ⁴³	7.9 ⁴²	5.9 ³⁷	8.6 ³⁶	5.1 ⁴³	Đ	Đ	5.5 ⁴³	2 0	Tb	K	43		
		CN	5.3 ⁴³	4.2 ⁴³	4.5 ⁴³	4.3 ⁴³	6.2 ⁴³	4.9 ⁴²	4.7 ⁴³	7.4 ⁴³	5.6 ³⁹	8.6 ³⁵	5.1 ⁴³	Đ	Đ	5.5 ⁴³	2 0	Tb	K	43		L
27	Nguyễn Minh Phát	HK1	8.7 ¹	8.7 ⁷	10 ¹	9.5 ¹	9.4 ³	9.7 ⁴	8.8 ⁴	10 ¹	9.5 ²	9.3 ¹⁰	9.8 ¹		Đ	9.4 ¹	0 0	G	T	1	GIOI	
		HK2	9.3 ¹	9.4 ²	9.5 ³	9.7 ²	9.2 ⁴	9.9 ²	8.6 ²	10 ¹	9.8 ¹	9.9 ¹	9.7 ²	Đ	Đ	9.5 ¹	1 0	G	T	1	GIOI	
		CN	9.1 ¹	9.2 ³	9.7 ²	9.6 ²	9.3 ³	9.8 ³	8.7 ²	10 ¹	9.7 ¹	9.7 ²	9.7 ¹	Đ	Đ	9.5 ¹	1 0	G	T	1	GIOI	L
28	Nguyễn Bằng Phi	HK1	5.7 ⁴⁰	5.0 ³⁷	6.5 ³⁴	6.9 ²⁴	8.2 ²⁴	8.7 ²⁴	7.3 ²⁶	7.6 ³²	6.5 ³³	8.9 ¹⁶	7.7 ²⁹		Đ	7.2 ³²	0 0	Tb	T	36		
		HK2	6.7 ³⁵	5.3 ⁴²	5.2 ⁴¹	7.2 ²⁸	7.5 ³³	5.6 ³⁹	6.4 ³⁹	7.7 ⁴³	5.4 ⁴⁰	8.6 ³⁶	7.0 ³⁸	Đ	Đ	6.6 ⁴¹	7 0	K	K	39	TT	
		CN	6.4 ³⁶	5.2 ⁴⁰	5.6 ⁴⁰	7.1 ²⁶	7.7 ³¹	6.6 ³⁸	6.7 ³⁵	7.7 ⁴²	5.8 ³⁸	8.7 ³⁰	7.2 ³⁷	Đ	Đ	6.8 ³⁸	7 0	Tb	K	40		L
29	Võ Hoàng Phúc	HK1	6.6 ²⁷	5.0 ³⁷	7.1 ²⁸	5.6 ³⁵	8.2 ²⁴	7.4 ³⁷	6.6 ³⁴	8.4 ²¹	6.5 ³³	8.8 ²¹	6.3 ³⁹		Đ	7.0 ³⁷	3 0	K	T	28	TT	
		HK2	6.8 ³³	6.3 ²⁹	6.2 ³⁸	5.7 ⁴¹	7.8 ²⁹	6.3 ³⁸	6.2 ⁴¹	8.4 ³²	7.6 ²⁵	8.5 ⁴¹	6.1 ⁴⁰	Đ	Đ	6.9 ³⁷	0 0	K	T	31	TT	
		CN	6.7 ³²	5.9 ³⁶	6.5 ³⁴	5.7 ⁴⁰	7.9 ²⁹	6.7 ³⁷	6.3 ³⁹	8.4 ²⁶	7.2 ³¹	8.6 ³⁵	6.2 ⁴¹	Đ	Đ	6.9 ³⁶	3 0	K	T	30	TT	L
30	Hà Diễm Quỳnh	HK1	6.6 ²⁷	7.0 ²⁴	7.1 ²⁸	7.5 ¹⁴	7.1 ³⁹	8.5 ²⁸	6.4 ³⁸	8.3 ²²	7.7 ²¹	8.6 ²⁸	8.6 ¹⁴		Đ	7.6 ²⁴	0 0	K	T	22	TT	
		HK2	7.1 ²⁶	7.2 ²¹	6.9 ²⁵	6.5 ³⁷	6.6 ⁴⁰	6.6 ³⁶	6.6 ³⁶	8.0 ⁴¹	7.7 ²³	8.6 ³⁶	5.6 ⁴¹	Đ	Đ	7.0 ³⁶	0 0	K	K	37	TT	
		CN	6.9 ²⁷	7.1 ²²	7.0 ²⁶	6.8 ³⁰	6.8 ⁴⁰	7.2 ³⁶	6.5 ³⁷	8.1 ³⁴	7.7 ²²	8.6 ³⁵	6.6 ³⁹	Đ	Đ	7.2 ³⁴	0 0	K	K	34	TT	L
31	Lê Thị Thanh	HK1	7.7 ¹¹	8.5 ⁹	7.8 ¹⁷	7.4 ¹⁵	8.5 ²¹	9.9 ¹	8.1 ¹³	6.5 ⁴²	7.8 ¹⁹	8.4 ³⁵	8.1 ²³		Đ	8.1 ¹⁷	0 0	G	T	15	GIOI	
		HK2	7.3 ²¹	8.8 ⁶	7.8 ¹⁸	8.8 ¹²	8.3 ¹³	8.5 ²⁶	8.2 ¹⁰	9.0 ¹⁷	8.5 ¹⁵	8.9 ²⁹	8.4 ²⁰	Đ	Đ	8.4 ¹²	2 0	G	T	10	GIOI	
		CN	7.4 ¹⁹	8.7 ⁷	7.8 ²⁰	8.3 ¹³	8.4 ¹²	9.0 ¹⁷	8.2 ¹¹	8.2 ³⁰	8.3 ¹⁸	8.7 ³⁰	8.3 ¹⁹	Đ	Đ	8.3 ¹⁵	2 0	G	T	13	GIOI	L
32	Quách Hoàng Ngọc Thảo	HK1	7.6 ¹²	8.5 ⁹	8.8 ¹²	9.2 ⁴	9.3 ⁶	9.7 ⁴	7.4 ²²	8.2 ²⁴	7.7 ²¹	9.0 ¹⁴	8.1 ²³		Đ	8.5 ¹¹	3 0	G	K	16	TT	
		HK2	7.8 ¹⁴	8.3 ⁹	8.3 ⁹	9.2 ⁷	8.3 ¹³	9.3 ¹¹	7.7 ²⁰	9.7 ⁶	8.8 ¹²	9.0 ²⁴	8.3 ²³	Đ	Đ	8.6 ⁹	1 0	G	K	15	TT	
		CN	7.7 ¹³	8.4 ⁸	8.5 ⁹	9.2 ⁷	8.6 ⁹	9.4 ⁹	7.6 ¹⁸	9.2 ⁹	8.4 ¹⁵	9.0 ¹⁸	8.2 ²¹	Đ	Đ	8.6 ⁹	4 0	G	K	14	TT	L
33	Nguyễn Hữu Thắng	HK1	6.6 ²⁷	6.6 ²⁹	7.7 ¹⁸	7.3 ¹⁸	7.7 ³³	9.4 ¹⁰	7.8 ¹⁷	8.6 ¹⁷	7.5 ²⁴	8.9 ¹⁶	9.3 ⁵		Đ	7.9 ²⁰	0 0	K	T	20	TT	
		HK2	6.9 ³¹	7.3 ²⁰	8.3 ⁹	8.5 ¹⁴	8.2 ¹⁵	9.4 ⁸	6.8 ³³	8.5 ³⁰	7.6 ²⁵	9.5 ⁷	9.2 ⁶	Đ	Đ	8.2 ¹⁷	2 0	K	T	17	TT	
		CN	6.8 ³⁰	7.1 ²²	8.1 ¹⁶	8.1 ¹⁴	8.0 ²⁵	9.4 ⁹	7.1 ²⁹	8.5 ²⁴	7.6 ²⁴	9.3 ¹⁰	9.2 ⁷	Đ	Đ	8.1 ¹⁷	2 0	K	T	17	TT	L
34	Hồ Kim Anh Thư	HK1	6.4 ³²	6.9 ²⁵	7.1 ²⁸	6.5 ²⁸	8.5 ²¹	9.0 ²¹	7.4 ²²	6.7 ⁴¹	7.2 ²⁶	9.1 ¹³	7.3 ³³		Đ	7.5 ²⁶	0 0	K	T	24	TT	
		HK2	7.0 ²⁸	6.0 ³⁷	6.9 ²⁵	7.9 ¹⁷	8.1 ²⁰	8.8 ¹⁸	8.1 ¹²	8.9 ²¹	8.1 ¹⁹	9.1 ¹⁶	8.0 ²⁷	Đ	Đ	7.9 ²⁵	4 0	K	T	23	TT	
		CN	6.8 ³⁰	6.3 ³⁰	7.0 ²⁶	7.4 ²²	8.2 ²²	8.9 ¹⁸	7.9 ¹⁴	8.2 ³⁰	7.8 ²⁰	9.1 ¹⁴	7.8 ²⁹	Đ	Đ	7.8 ²³	4 0	K	T	21	TT	L
35	Lê Nguyễn Anh Thư	HK1	8.2 ⁴	9.7 ¹	9.3 ⁵	9.2 ⁴	9.4 ³	9.7 ⁴	8.9 ¹	9.2 ¹⁰	9.5 ²	9.4 ⁶	9.2 ⁶		Đ	9.2 ³	0 0	G	T	3	GIOI	
		HK2	8.0 ¹⁰	8.7 ⁷	9.7 ²	9.6 ³	9.5 ¹	9.5 ⁶	8.8 ¹	9.7 ⁶	8.8 ¹²	9.5 ⁷	10 ¹	Đ	Đ	9.3 ³	0 0	G	T	3	GIOI	
		CN	8.1 ⁷	9.0 ⁴	9.6 ³	9.5 ³	9.5 ¹	9.6 ⁴	8.8 ¹	9.5 ⁶	9.0 ⁷	9.5 ⁶	9.7 ¹	Đ	Đ	9.3 ³	0 0	G	T	3	GIOI	L
36	Nguyễn Thị Thùy Trang	HK1	6.6 ²⁷	5.1 ³⁶	5.8 ³⁷	5.3 ³⁸	6.7 ⁴²	6.6 ⁴¹	5.9 ⁴⁰	8.3 ²²	7.0 ²⁹	8.8 ²¹	5.9 ⁴¹		Đ	6.5 ³⁹	0 0	K	T	29	TT	
		HK2	7.0 ²⁸	6.3 ²⁹	6.7 ³³	6.6 ³⁵	6.4 ⁴²	5.6 ³⁹	6.4 ³⁹	8.2 ³⁸	6.9 ³³	8.9 ²⁹	5.3 ⁴²	Đ	Đ	6.8 ⁴⁰	1 0	K	T	33	TT	
		CN	6.9 ²⁷	5.9 ³⁶	6.4 ³⁵	6.2 ³⁶	6.5 ⁴¹	5.9 ⁴⁰	6.2 ⁴¹	8.2 ³⁰	6.9 ³²	8.9 ²³	5.5 ⁴²	Đ	Đ	6.7 ⁴⁰	1 0	K	T	31	TT	L
37	Phan Thị Ngọc Trinh	HK1	7.6 ¹²	7.6 ¹⁹	7.2 ²⁵	7.9 ¹²	9.0 ⁹	8.1 ³²	7.7 ¹⁹	7.7 ³¹	8.6 ¹¹	8.9 ¹⁶	8.4 ¹⁸		Đ	8.1 ¹⁷	0 0	K	T	18	TT	
		HK2	7.6 ¹⁵	6.4 ²⁸	7.6 ²²	8.2 ¹⁵	8.1 ²⁰	8.6 ²³	7.3 ²²	8.6 ²⁵	8.5 ¹⁵	9.2 ¹⁵	9.1 ⁷	Đ	Đ	8.1 ¹⁸	1 0	K	T	18	TT	
		CN	7.6 ¹⁶	6.8 ²⁶	7.5 ²¹	8.1 ¹⁴	8.4 ¹²	8.4 ²⁵	7.4 ²¹	8.3 ²⁹	8.5 ¹³	9.1 ¹⁴	8.9 ¹⁰	Đ	Đ	8.1 ¹⁷	1 0	K	T	17	TT	L
38	Nguyễn Thanh Trúc	HK1	8.5 ²	8.5 ⁹	9.2 ⁷	8.8 ⁹	9.9 ¹	9.6 ⁸	8.6 ⁶	9.9 ²	9.3 ⁶	9.5 ²	9.4 ³		Đ	9.2 ³	7 0	G	T	3	GIOI	
		HK2	9.1 ²	8.0 ¹⁴	8.2 ¹⁴	9.0 ⁸	9.1 ⁵	9.4 ⁸	8.6 ²	10 ¹	9.5 ³	9.5 ⁷	8.9 ¹²	Đ	Đ	9.0 ⁷	4 0	G	T	7	GIOI	
		CN	8.9 ²	8.2 ¹⁴	8.5 ⁹	8.9 ⁹	9.4 ²	9.5 ⁷	8.6 ³	10 ¹	9.4 ⁵	9.5 ⁶	9.1 ⁹	Đ	Đ	9.1 ⁵	11 0	G	T	5	GIOI	L
39	Ngô Anh Tuấn	HK1	5.7 ⁴⁰	4.9 ⁴¹	5.6 ³⁹	6.4 ³¹	7.7 ³³	6.9 ⁴⁰	7.4 ²²	7.2 ³⁶	5.9 ³⁶	9.3 ¹⁰	8.1 ²³		Đ	6.8 ³⁸	0 0	Tb	T	39		

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Thể dục	ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
39	Ngô Anh Tuấn	HK2	6.8 ³³	5.4 ⁴¹	6.5 ³⁶	7.0 ³¹	6.8 ³⁸	6.4 ³⁷	7.0 ²⁷	8.1 ³⁹	5.9 ³⁷	8.6 ³⁶	7.7 ³⁰	Đ	Đ	6.9 ³⁷	0 0	K	T	31	TT	
		CN	6.4 ³⁶	5.2 ⁴⁰	6.2 ³⁷	6.8 ³⁰	7.1 ³⁸	6.6 ³⁸	7.1 ²⁹	7.8 ⁴⁰	5.9 ³⁷	8.8 ²⁷	7.8 ²⁹	Đ	Đ	6.9 ³⁶	0 0	Tb	T	37		L
40	Nguyễn Thị Bích Tuyền	HK1	7.5 ¹⁶	7.4 ²²	6.7 ³³	6.8 ²⁵	8.9 ¹⁰	9.1 ¹⁸	7.3 ²⁶	9.4 ⁷	8.9 ⁸	8.9 ¹⁶	8.4 ¹⁸		Đ	8.1 ¹⁷	0 0	K	T	18	TT	
		HK2	8.0 ¹⁰	7.2 ²¹	6.8 ²⁸	7.4 ²⁵	7.6 ³⁰	9.3 ¹¹	6.9 ²⁹	9.5 ⁹	7.1 ³⁰	9.0 ²⁴	9.0 ¹¹	Đ	Đ	8.0 ²¹	1 0	G	T	14	GIOI	
		CN	7.8 ¹²	7.3 ²⁰	6.8 ³²	7.2 ²⁵	8.0 ²⁵	9.2 ¹²	7.0 ³¹	9.5 ⁶	7.7 ²²	9.0 ¹⁸	8.8 ¹²	Đ	Đ	8.0 ²¹	1 0	K	T	20	TT	L
41	Nguyễn Thành Vũ	HK1	4.8 ⁴³	6.1 ³³	4.6 ⁴¹	3.6 ⁴³	6.8 ⁴¹	5.8 ⁴²	5.5 ⁴¹	6.9 ³⁸	3.4 ⁴³	7.0 ⁴³	4.9 ⁴³		Đ	5.4 ⁴³	0 0	Y	K	43		
		HK2	6.3 ⁴¹	6.1 ³⁵	4.6 ⁴²	5.2 ⁴²	6.1 ⁴³	3.9 ⁴²	5.0 ⁴²	8.4 ³²	4.0 ⁴³	8.0 ⁴³	7.2 ³⁷	Đ	Đ	5.9 ⁴²	1 0	Tb	K	42		
		CN	5.8 ⁴²	6.1 ³³	4.6 ⁴²	4.7 ⁴²	6.3 ⁴²	4.5 ⁴³	5.2 ⁴²	7.9 ³⁷	3.8 ⁴³	7.7 ⁴³	6.4 ⁴⁰	Đ	Đ	5.7 ⁴²	1 0	Tb	K	42		L
42	Vũ Như Ý	HK1	7.6 ¹²	8.0 ¹⁸	7.3 ²²	7.0 ²²	8.2 ²⁴	9.3 ¹⁵	6.6 ³⁴	8.2 ²⁴	7.3 ²⁵	8.7 ²⁵	6.6 ³⁸		Đ	7.7 ²³	0 0	K	K	31	TT	
		HK2	7.1 ²⁶	6.3 ²⁹	6.8 ²⁸	8.0 ¹⁶	7.3 ³⁵	8.5 ²⁶	6.5 ³⁸	8.6 ²⁵	8.9 ¹⁰	8.8 ³¹	8.0 ²⁷	Đ	Đ	7.7 ²⁷	3 0	K	T	25	TT	
		CN	7.3 ²⁰	6.9 ²⁴	7.0 ²⁶	7.7 ¹⁶	7.6 ³⁴	8.8 ¹⁹	6.5 ³⁷	8.5 ²⁴	8.4 ¹⁵	8.8 ²⁷	7.5 ³³	Đ	Đ	7.7 ²⁶	3 0	K	T	24	TT	L
43	Nguyễn Âu Phi Yến	HK1	5.8 ³⁹	5.0 ³⁷	4.5 ⁴²	4.8 ³⁹	7.8 ³¹	5.1 ⁴³	6.7 ³³	6.8 ⁴⁰	5.9 ³⁶	7.7 ⁴²	6.7 ³⁶		Đ	6.1 ⁴⁰	3 0	Tb	Tb	41		
		HK2	6.7 ³⁵	6.1 ³⁵	5.7 ⁴⁰	6.2 ⁴⁰	6.8 ³⁸	5.3 ⁴¹	8.0 ¹³	8.5 ³⁰	6.1 ³⁶	9.1 ¹⁶	7.5 ³⁴	Đ	Đ	6.9 ³⁷	7 0	K	K	38	TT	
		CN	6.4 ³⁶	5.7 ³⁸	5.3 ⁴¹	5.7 ⁴⁰	7.1 ³⁸	5.2 ⁴¹	7.6 ¹⁸	7.9 ³⁷	6.0 ³⁶	8.6 ³⁵	7.2 ³⁷	Đ	Đ	6.6 ⁴¹	10 0	Tb	K	41		L

Số ngày nghỉ có phép:115

Số ngày nghỉ không phép:0

Hạnh kiểm:

- Tốt: 33

- Khá: 10

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

Học lực:

- Giỏi: 15

- Khá: 19

- Trung bình: 9

- Yếu: 0

- Kém: 0

Danh hiệu:

- Giỏi: 13

- Tiên tiến: 21

Ngày..... tháng..... năm

GIAO VIÊN CHỦ NHIỆM

(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG

(chữ ký, họ tên, đóng dấu)